

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**thành phố T**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Số: 595/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
thành phố T, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN thành phố T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Đào Như T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 140A Nam Cao, Tổ 4, Khu phố 1, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Trần Quốc N, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 140A Nam Cao, Tổ 4, Khu phố 1, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 22 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Như T và ông Trần Quốc N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Văn A, sinh ngày 23/7/1995 (đã trưởng thành) và Trần Quốc A, sinh ngày 16/9/2008. Bà Đào Như

T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Quốc A. Ông Trần Quốc N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/4/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Đào Như T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Quốc N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trần Quốc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì bà Đào Như T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của Trần Quốc N.

Bà Đào Như T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trần Quốc N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Mỗi bên phải nộp 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng mà bà Đào Như T, ông Trần Quốc N đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2019/0047415 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đào Như T, ông Trần Quốc N đã nộp đủ lệ phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyền số 01, đăng ký ngày 19/12/1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND phường T, thành phố T, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Xuân Khê**